

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 690/QĐ-UBND

*Phú Yên, ngày 09 tháng 5 năm 2019*

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành và bị bãi bỏ trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh, hợp tác xã, đầu tư trong nước sử dụng vốn nhà nước, đấu thầu thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017, Quyết định số 1397/QĐ-BKHĐT ngày 21/9/2018, Quyết định số 2029/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017, Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 về công bố thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 42/TTr-SKH&ĐT ngày 18 /4 /2019,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 24 thủ tục hành chính mới ban hành (lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh: 05 thủ tục, lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã: 19 thủ tục) thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ 35 thủ tục được công bố tại Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên, gồm: 05 thủ tục trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh, 19 thủ tục trong lĩnh vực thành lập và hoạt động của hợp tác xã, 04 thủ tục trong lĩnh vực đầu tư trong nước sử dụng vốn nhà nước và 07 thủ tục trong lĩnh vực đấu thầu.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Chí Hiến**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ BỊ BÃI BỎ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 690/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>I. Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh</b>						
1	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Cá nhân hoặc nhóm cá nhân hoặc người đại diện hộ gia đình nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện thuộc tỉnh Phú Yên nơi đặt địa điểm kinh doanh..	30.000 đồng/lần	-Luật Doanh nghiệp 2014; -NĐ 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 của Chính phủ; -Thông tư 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01/12/2015; của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; -Thông tư 02/2019/TT-BKHĐT ngày 08/01/2019; của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Thông tư số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính; -Nghị quyết 70/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 245/QĐ-BKHĐT ngày 12/3/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư
2	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.	- 03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Nếu hộ	Chủ hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện	20.000 đồng/lần	nt	nt

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		kinh doanh chuyên địa chỉ sang quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh khác nơi hộ kinh doanh đã đăng ký thì thời hạn là 05 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ	thuộc tỉnh Phú Yên nơi đặt địa điểm kinh doanh			
3	Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh.	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	Chủ hộ kinh doanh hoặc người đại diện hộ kinh doanh nộp hồ sơ tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện thuộc tỉnh Phú Yên nơi đặt địa điểm kinh doanh.	Không quy định	nt	nt
4	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.	Không có	nt	Không quy định	nt	nt
5	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.	03 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ	nt	30.000 đồng/lần	nt	nt

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
		hợp lệ.				
<b>II. Lĩnh vực thành lập và hoạt động của Hợp tác xã</b>						
1	Đăng ký hợp tác xã	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trực tiếp tại Bộ phận một cửa của UBND cấp huyện nơi đặt địa điểm kinh doanh.	100.000 đồng/lần	- Luật Hợp tác xã ngày 20/11/2012; - NĐ 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ; - QĐ 27/2018/QĐ-TTg ngày 06/7/2018 của Thủ tướng Chính phủ. - TT số 03/2014/TT-BKHĐT ngày 26/05/2014 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - TT số 250/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư; - Nghị quyết 70/2016/NQ-HĐND ngày 16/12/2016 của HĐND tỉnh Phú Yên.	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ KH&ĐT
2	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.	nt	nt	Không quy định	nt	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 2029/QĐ-BKHĐT ngày 29/12/2017 của Bộ KH&ĐT

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
3	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã	nt	nt	20.000 đồng/lần	nt	Những bộ phận còn lại của thủ tục hành chính được sao y theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ KH&ĐT
4	Đăng ký khi hợp tác xã chia	nt	nt	20.000 đồng/lần	nt	nt
5	Đăng ký khi hợp tác xã tách	nt	nt	20.000 đồng/lần	nt	nt
6	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất	nt	nt	20.000 đồng/lần	nt	nt
7	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập	nt	nt	20.000 đồng/lần	nt	nt
8	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)	nt	nt	Không	nt	nt
9	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)	nt	nt	Không	nt	nt
10	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	nt	nt	Không	nt	nt
11	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hư hỏng)	nt	nt	Không	nt	nt
12	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (Đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự	nt	nt	Không	nt	nt

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	nguyện)					
13	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt	nt	20.000 đồng/lần	nt	nt
14	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã					
15	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã	nt	nt	Không	nt	nt
16	Tạm ngừng hoạt động của hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt	nt	Không	nt	nt
17	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã	nt	nt	Không	nt	nt
18	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)	nt	nt	Không	nt	nt
19	Thay đổi cơ quan đăng ký hợp tác xã	nt	nt	Không	nt	nt

## 2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

TT	Mã số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	VBQPPL quy định	Ghi chú
I		Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh		

1		Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	Thông tư số 02/2019/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	Được công bố tại Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên
2		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh.		
3		Tạm ngừng hoạt động hộ kinh doanh.		
4		Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh.		
5		Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh.		
<b>II Lĩnh vực Thành lập và hoạt động của hợp tác xã</b>				
1		Đăng ký thành lập hợp tác xã;	Thông tư số 250/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính	Được công bố tại Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên
2		Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của hợp tác xã		
3		Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
4		Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã		
5		Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã		
6		Tạm ngừng hoạt động hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã		
7		Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.		
8		Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký Hợp tác xã (đối với trường hợp hợp tác xã giải thể tự nguyện)		
9		Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã.	Nghị định số 107/2017/NĐ-CP của Chính phủ	Được công bố tại Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh
10		Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị mất)		Được công bố tại Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên
11	T-PYE-274552-TT	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị mất)		
12	T-PYE-274553-	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi bị hỏng)		

	TT			
13	T-PYE-274554-TT	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện hợp tác xã (khi bị hỏng)		
14	T-PYE-274555-TT	Đăng ký thay đổi cơ quan đăng ký Hợp tác xã		
15	T-PYE-274556-TT	Đăng ký khi hợp tác xã chia		
16	T-PYE-274557-TT	Đăng ký khi hợp tác xã tách		
17	T-PYE-274558-TT	Đăng ký khi hợp tác xã hợp nhất		
18	T-PYE-274559-TT	Đăng ký khi hợp tác xã sáp nhập		
19		Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã (khi đổi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã)		
<b>III Lĩnh vực đầu tư trong nước sử dụng vốn nhà nước</b>				
1		Thủ tục thẩm định dự án đầu tư trong nước không có cấu phần xây dựng	Bãi bỏ theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư	
2		Thẩm định thiết kế - dự toán của dự án đầu tư trong nước không có cấu phần xây dựng		
3		Thẩm định dự án đầu tư trong nước có cấu phần xây dựng sử dụng vốn Nhà nước ngoài ngân sách		
4		Rà soát, trình phê duyệt dự án đầu tư trong nước có cấu phần xây dựng sử dụng vốn ngân sách Nhà nước		
<b>IV Lĩnh vực đấu thầu</b>				
<b>Mục 1. Đấu thầu, lựa chọn nhà thầu</b>				
1		Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu		nt
<b>Mục 2. Lựa chọn nhà đầu tư</b>				
1		Thẩm định hồ sơ mời sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư	Bãi bỏ theo Quyết định số 1038/QĐ-BKHĐT ngày 28/7/2017 của Bộ Kế hoạch	Được công bố tại Quyết định số 1697/QĐ-UBND ngày 27/7/2016 của UBND tỉnh Phú Yên
2		Thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ dự sơ tuyển trong lựa chọn nhà đầu tư		
3		Thẩm định kế hoạch lựa chọn		